

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày 12-6-2023

“V/v tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô.

2. Bà Trần Thị Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2022/TLST - DS ngày 22/12/2022 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 N 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 N 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh N 196x (có mặt).

Địa chỉ: Thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh N 197x (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Thanh Ng, sinh N 198x (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Văn H, sinh N 197x (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Ông Lê Văn N với ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê Thị Thanh Ng và ông Trần Văn H có mối quan hệ là hàng xóm. Vào N 2007, gia đình ông Lê Văn N bỏ tiền ra đầu tư một trạm biến áp 50KVA thuộc Công ty điện lực Đắk Lắk – Điện lực CưM'gar quản lý vận hành, nhằm mục đích phục vụ nhu cầu điện cho gia đình và một số hộ dân lân cận có nhu cầu sử dụng điện. Vào thời điểm đó có ông Trần Văn H trú tại thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ đăng ký kéo đường dây điện từ trạm biến áp của ông N về nhà của ông H sử dụng, hàng tháng ông H thanh toán số tiền điện dựa trên KWh đã sử dụng và trả tiền cho ông N. Đến N 2011, ông H ngừng sử dụng điện từ trạm biến áp của ông N và còn nợ ông N số tiền điện là 6.800.000 đồng, hai bên thỏa thuận chốt nợ bằng lời nói. Ông N đòi nợ ông H nhiều lần nhưng ông H không trả thì vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê Thị Thanh Ng (Viết tắt là vợ chồng bà Ng) là người cùng sử dụng chung đường dây điện, chung công tơ điện ba pha với ông H đồng ý sẽ trả số tiền ông H còn nợ cho ông N, bà Ng đã viết giấy nợ cho ông N với điều kiện ông N sẽ cho vợ chồng bà Ng tháo dỡ đường dây điện cũ từ trạm biến áp của ông N để chuyển qua sử dụng điện của nhà nước, mục đích tưới cây trồng và sản xuất. Bà Ng viết giấy nợ đề ngày 14/02/2015 xác nhận nợ với ông N số tiền 6.800.000 đồng để trả nợ của ông H cho ông N hẹn đến ngày 15/3/2015 trả cho ông N và giao giấy nhận nợ gốc cho ông N giữ. Kể từ đó cho đến nay, nhiều lần ông N yêu cầu vợ chồng bà Ng thanh toán số tiền trên cho ông N nhưng vợ chồng bà Ng không trả. Vì vậy, ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lê Thị Thanh Ng phải liên đới trả cho ông N tổng số tiền điện còn nợ là 6.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông N trình bày số tiền 6.800.000 đồng là nợ của bà Ng và ông Tr vì ông H với bà Ng và ông Tr sử dụng chung đường dây điện, cùng đồng hồ điện từ trạm biến áp của ông N. Ông H không còn sử dụng điện có trách nhiệm bàn giao đường dây điện, đồng hồ điện cho bà Ng và ông Tr sử dụng nên ông Tr và bà Ng có trách nhiệm trả nợ số tiền điện trên cho ông N.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn

Xuân Tr trình bày:

Ông Nguyễn Xuân Tr với bà Lê Thị Thanh Ng có mối quan hệ là vợ chồng. Ông Tr với ông Lê Văn N và ông Trần Văn H là hàng xóm. Vào khoảng thời gian N 2013 – 2014, ông Tr với ông H có chung nhau đường dây điện 3 pha xin bắt điện từ trạm biến áp của ông N dùng để tưới cây trồng. Về phần của ông Tr mỗi lần tưới cây trồng xong, ông Tr đều thanh toán tiền điện cho ông N đầy đủ, có ký nhận vào sổ của ông N. Vào giữa mùa khô N 2013, ông Tr xin tưới nước nhiều lần nhưng ông N không cho tưới với lý do ông H còn nợ tiền điện của ông N, khi ông Tr liên lạc với ông H thì không liên lạc được. Sau đó, ông Tr đề nghị với ông N chuyển đường dây điện đi nơi khác nhưng ông N không cho, ông N ra điều kiện với ông Tr phải nhận nợ của ông H thì mới cho chuyển đường dây điện vì quá cấp bách, nếu không tưới kịp thời thì vườn cây cà phê có nguy cơ bị chết hoặc mất mùa và bị thiệt hại rất lớn buộc ông Tr phải viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của ông N. Sau đó một thời gian, ông N và con trai ông N đến nhà ông Tr đòi nợ, ông Tr nói khi nào lấy được tiền ông H thì mới trả nợ cho ông N, ông N đã có lời lẽ đe dọa, chửi bới tại nhà ông Tr và được mọi người can ngăn. Sau một thời gian, ông Tr được bà Ng cho biết, ông N đã yêu cầu bà Ng viết giấy nhận nợ. Ông Tr không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N vì ông Tr hoàn toàn không biết số nợ giữa ông H với ông N.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày:

Trước N 2015, gia đình bà Ng và gia đình ông H có mắc chung đường dây điện vào bình điện của gia đình ông N. Trong quá trình sử dụng thì phần tiền điện của gia đình bà Ng sử dụng vào đợt nào thì đã thanh toán đầy đủ cho ông N, còn phần của ông H thì gia đình bà Ng không biết. Khi gia đình bà Ng muốn tháo dỡ đường dây điện để sử dụng vào nguồn điện quốc gia nên đã báo với ông N. Tuy nhiên, lúc chồng bà Ng thuê người đến đi dời đường dây điện thì ông N không đồng ý vì cho rằng ông H còn nợ ông N 6.800.000 đồng tiền điện nhưng chưa trả. Do vào thời điểm trên gia đình bà Ng cần nguồn điện để tưới nước cho cây và đã thuê nhân công tháo dỡ trụ điện và dây điện nên ông Tr đã viết giấy nhận nợ tiền điện thay ông H theo yêu cầu của ông N. Từ đó, ông N nhiều lần cầm dao đến nhà đe dọa và đòi tiền ông Tr. Do bà Ng lo sợ nên bà Ng đã tự thương lượng với ông N về việc viết giấy nhận nợ thay ông H và yêu cầu ông N trả lại giấy nhận nợ mà ông Tr đã viết trước đó. Sau đó, bà Ng xé giấy nhận nợ ông Tr đã viết trước đó và viết lại một giấy nhận nợ khác cho ông N. Khi bà Ng viết giấy nhận nợ thì ông H và ông Tr không biết. Bà Ng viết giấy nhận nợ mục đích để đi đòi nợ ông H thay ông N để ông N không đến nhà bà Ng gây sự.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:

Ông Trần Văn H không có mối quan hệ gì với ông Lê Văn N, ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê Thị Ng. Trước đây, ông H có sử dụng điện từ biến áp của ông N nhưng do thời gian lâu nên ông H không nhớ thời gian sử dụng điện và thời gian ngừng sử dụng điện. Ông H chỉ nhớ, trong quá trình sử dụng điện từ biến áp của ông N thì ông H đã thanh toán đủ tiền điện cho ông N, hiện nay ông H không còn nợ ông N bất kỳ khoản tiền điện nào. Bà Ng viết giấy nhận nợ ngày 14/02/2015 là do ông N say rượu vác dao sang nhà bà Ng đe dọa nên buộc bà Ng phải viết. Thời điểm bà Ng viết giấy nhận nợ nêu trên ông H không biết. Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N vì ông H không nợ ông N số tiền 6.800.000 đồng nên ông Tr và bà Ng không có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 369, Điều 370 Bộ luật dân sự N 2015 không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N.

Về án phí dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án để tính án phí dân sự sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn ông Lê Văn N yêu cầu ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê Thị Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Trần Văn H nên Hội đồng xét xử xác định thay đổi quan hệ tranh chấp thành “Chuyển giao nghĩa vụ”. Ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê

Thị Ng cư trú tại: Thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lê Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Cùng với đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Văn N đã cung cấp bản gốc Giấy nhận nợ ngày 14/02/2015 thể hiện nội dung:

“Hôm nay ngày 14.02.2015. Tôi Lê Thị Ng. Nhận số nợ tiền điện cho chú H là 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng). Lý do nhận nợ. Nợ tiền điện.

Hẹn đến ngày 15.03.2015. Tôi thanh toán số tiền trên. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ea Kiết ngày 14.02.2015

Người nhận nợ

Có chữ ký, chữ viết Lê T. Thanh Ng”

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022 (bút lục 01), Bản tự khai ngày 06/01/2023 (bút lục 27) ông N điều trình bày số tiền 6.800.000 đồng ông N yêu cầu ông Tr và bà Ng liên đới trả nợ cho ông N là số nợ tiền điện ông H nợ ông N là phù hợp với nội dung “Giấy nhận nợ ngày 14/02/2015” nêu trên. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 28/3/2023 (bút lục 39 – 41) và tại phiên tòa ông H lại nại rằng số tiền trên là nợ của bà Ng và ông Tr vì ông H với bà Ng và ông Tr sử dụng chung đường dây điện, cùng đồng hồ điện từ trạm biến áp của ông N; Ông H không còn sử dụng điện thì có trách nhiệm bàn giao đường dây điện, đồng hồ điện cho bà Ng và ông Tr sử dụng nên ông Tr và bà Ng có trách nhiệm trả nợ số tiền điện trên cho ông N là có sự mâu thuẫn.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tr, bà Ng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N và đều cho rằng, ông Tr, bà Ng không tự nguyện viết

và ký vào giấy nhận nợ với ông N nhưng do tình thế cấp bách, bị ông N đe dọa nên bắt buộc phải viết và ký.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H cho rằng ông H không còn nợ tiền điện của ông N, việc bà Ng nhận nợ với ông N để trả nợ thay ông H số tiền 6.800.000 đồng thì ông H không biết.

[3.4] Nguyên đơn ông N, bị đơn ông Tr, bà Ng đều thừa nhận tại thời điểm bà Ng viết giấy nhận nợ ngày 14/02/2015 không có mặt ông Tr và ông H nên ông Tr và ông H không biết.

Từ các căn cứ và những nhận định trên, có cơ sở xác định Giấy nhận nợ ngày 14/02/2015 thể hiện bà Ng nhận số nợ tiền điện cho ông H là 6.800.000 đồng, hẹn đến ngày 15/3/2015 thanh toán số tiền. Tuy nhiên, tại thời điểm bà Ng viết Giấy nhận nợ trên không có mặt ông H và ông Tr nên ông H và ông Tr không biết; ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N vì ông H không nợ ông N số tiền điện là 6.800.000 đồng. Ông Tr và bà Ng cũng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông H. Hơn nữa, ông N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông H hay ông Tr, bà Ng còn nợ tiền điện của ông N hoặc tài liệu, chứng cứ thể hiện các bên có sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho nhau. Do đương sự không tuân thủ đúng quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự về chuyển giao nghĩa vụ. Do đó, việc ông Lê Văn N khởi kiện buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lê Thị Ng phải liên đới trả cho ông N tổng số tiền điện còn nợ là 6.800.000 đồng là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Lê Văn N thuộc Tr hợp người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp án phí cho ông Lê Văn N.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lê Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 369, Điều 370 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N về việc buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lê Thị Ng phải liên đới trả cho ông Lê Văn N tổng số tiền điện còn nợ là 6.800.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Lê Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện CưM'gar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Thị Nở